BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2020 - 2021

(Ban hành kèm theo quyết định: /QĐ-ĐHM, ngày tháng năm 2021)

Đơn vị: Khoa Xã hội học - Công tác xã hội - Đông Nam Á

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
	2017												
1	XHH	1756010018	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	250799	2017	CQ	3.50	82	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
2		1756010046	Trịnh Thị Thủy	Ngân	170299	2017	CQ	3.50	82	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
3		1756010048	Nguyễn Hồng	Nghi	060499	2017	CQ	3.50	82	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
4		1756010025	Nguyễn Thị Minh	Khanh	040399	2017	CQ	3.50	81	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
5		1756010038	Mạch Thảo	My	220599	2017	CQ	3.50	75	Khá	1.600.000	50	800.000
6		1756012002	Phạm Thanh	Ân	021299	2017	CQ	3.50	75	Khá	1.600.000	50	800.000
7		1756010089	Lê Ngọc	Trân	230799	2017	CQ	3.50	70	Khá	1.600.000	50	800.000
8		1756010049	Lâm Quốc	Nghĩa	020699	2017	CQ	3.00	100	Khá	1.600.000	50	800.000
9		1756010027	Nguyễn Lê Thanh	Khoa	201299	2017	CQ	3.00	97	Khá	1.600.000	50	800.000
10		1756010002	Trần Thái	An	011199	2017	CQ	3.00	90	Khá	1.600.000	50	800.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
11	XHH	1756010076	Trần Huệ	Thi	310799	2017	CQ	3.00	90	Khá	1.600.000	50	800.000
12		1756012030	Hoàng Diệu	Linh	041099	2017	CQ	3.00	90	Khá	1.600.000	50	800.000
13		1756012035	Trần Thị Bảo	Ngân	280499	2017	CQ	3.00	90	Khá	1.600.000	50	800.000
14		1756012067	Huỳnh Ngọc	Trâm	130499	2017	CQ	3.00	90	Khá	1.600.000	50	800.000
15		1756010024	Lê Thu	Khanh	230199	2017	CQ	3.00	85	Khá	1.600.000	50	800.000
16		1756010101	Huỳnh Ngọc	Trường	190599	2017	CQ	3.00	85	Khá	1.600.000	50	800.000
17	CTXH	1756022026	Đoàn Huỳnh Hồng	Nhung	011099	2017	CQ	4.00	85	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
18		1756020064	Nguyễn Huỳnh Hồng	Ngọc	260699	2017	CQ	3.50	100	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
19		1756020033	Đào Thị Thúy	Hằng	020199	2017	CQ	3.50	85	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
20		1756022017	Trần Thị Thúy	Kiều	090499	2017	CQ	3.50	85	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
21		1756020044	Nguyễn Thị Mỹ	Lành	280399	2017	CQ	4.00	78	Khá	1.600.000	50	800.000
22		1756022048	Nguyễn Ngọc Thảo	Vi	210899	2017	CQ	4.00	78	Khá	1.600.000	50	800.000
23		1756022013	Nguyễn Thị Thu	Hiền	141099	2017	CQ	4.00	77	Khá	1.600.000	50	800.000
24		1756020043	Nguyễn Duy	Khâm	200599	2017	CQ	4.00	74	Khá	1.600.000	50	800.000
25		1756020076	Đào Trần Quỳnh	Như	120699	2017	CQ	4.00	73	Khá	1.600.000	50	800.000
26	ĐNAH	1755010038	Bùi Thị Mỹ	Linh	071199	2017	CQ	4.00	100	Xuất sắc	1.600.000	100	1.600.000
27		1755012004	Nguyễn Thúy	Anh	070499	2017	CQ	4.00	100	Xuất sắc	1.600.000	100	1.600.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
28	ĐNAH	1755010062	Nguyễn Thị Thu	Phúc	280199	2017	CQ	3.50	85	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
29		1755010076	Nguyễn Phương	Thanh	141299	2017	CQ	3.50	83	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
30		1755012031	Bùi Thị Kim	Ngân	170498	2017	CQ	3.50	80	Giỏi	1.600.000	70	1.120.000
31		1755010079	Lê Hoàng	Thái	231199	2017	CQ	4.00	66	Khá	1.600.000	50	800.000
32		1755012059	Nguyễn Văn	Tý	080496	2017	CQ	3.50	75	Khá	1.600.000	50	800.000
33		1755012054	Vương Phan Minh	Thy	220999	2017	CQ	3.50	70	Khá	1.600.000	50	800.000
34		1755010071	Võ Phương	Quỳnh	120599	2017	CQ	3.50	66	Khá	1.600.000	50	800.000
35		1755010030	Đào Thị Hằng	Hoa	260599	2017	CQ	3.00	90	Khá	1.600.000	50	800.000
36		1755012043	Kiều Thị Kim	Phụng	050399	2017	CQ	3.00	90	Khá	1.600.000	50	800.000
37		1755012056	Nguyễn Thị Thảo	Trân	280299	2017	CQ	3.00	90	Khá	1.600.000	50	800.000
38		1755012037	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	240899	2017	CQ	3.00	88	Khá	1.600.000	50	800.000
39		1755010034	Trần Khánh	Huyền	241198	2017	CQ	3.00	85	Khá	1.600.000	50	800.000
40		1755010104	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	140199	2017	CQ	3.00	85	Khá	1.600.000	50	800.000
41		1755010064	Nguyễn Thị Mỹ	Phương	131299	2017	CQ	3.00	82	Khá	1.600.000	50	800.000
	2018												
42	XHH	1856012015	Phan Thị Mỹ	Hảo	090100	2018	CQ	3.54	90	Giỏi	6.020.000	70	4.214.000
43		1856010061	Nguyễn Thị Trúc	Linh	191293	2018	CQ	3.54	85	Giỏi	6.020.000	70	4.214.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
44	XHH	1856010076	Đặng Ngô Minh	Nghĩa	180300	2018	CQ	3.46	100	Giỏi	6.020.000	70	4.214.000
		1856010049	Nguyễn Trung	Khang	140900	2018	CQ	3.43	97	Giỏi	Đã nhận HB Tuyển sinh		
45		1856010126	Nguyễn Hoàng Thùy	Trang	301100	2018	CQ	3.32	85	Giỏi	6.020.000	70	4.214.000
46		1856012016	Trương Thị Kim	Hảo	051000	2018	CQ	3.32	85	Giỏi	6.020.000	70	4.214.000
47		1856012038	Huỳnh Thị Bảo	Ngân	170200	2018	CQ	3.32	83	Giỏi	6.020.000	70	4.214.000
48		1856012039	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	040400	2018	CQ	3.29	88	Giỏi	6.020.000	70	4.214.000
49		1856012018	Phạm Thị Kim	Hằng	280200	2018	CQ	3.25	85	Giỏi	6.020.000	70	4.214.000
50		1856012036	Lê Thị Hiền	Mẫu	140800	2018	CQ	3.25	85	Giỏi	6.020.000	70	4.214.000
51	CTXH	1856022012	Trần Thúy	Nga	100498	2018	CQ	3.85	100	Xuất sắc	6.280.000	100	6.280.000
52		1856020035	Hoàng Thị Kim	Lan	170200	2018	CQ	3.65	98	Xuất sắc	6.280.000	100	6.280.000
53		1856020072	Chu Thị	Thiên	020190	2018	CQ	3.62	98	Xuất sắc	6.280.000	100	6.280.000
54		1856022008	Nguyễn Thái Diễm	Hồng	060500	2018	CQ	3.42	90	Giỏi	6.280.000	70	4.396.000
55		1856020057	Trần Thị Hồng	Nhung	091000	2018	CQ	3.69	70	Khá	6.280.000	50	3.140.000
56		1856022005	Nguyễn Minh	Hiếu	300100	2018	CQ	3.58	72	Khá	6.280.000	50	3.140.000
57		1856020073	Đỗ Thị Ngọc	Thơ	010599	2018	CQ	3.19	75	Khá	6.280.000	50	3.140.000
58	ĐNAH	1855010162	Võ Phương	Vi	181299	2018	CQ	3.73	100	Xuất sắc	5.360.000	100	5.360.000
59		1855010148	Nguyễn Thị Minh	Truyền	200500	2018	CQ	3.73	83	Giỏi	5.360.000	70	3.752.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
60		1854020032	Bùi Lệ	Giang	220500	2018	CQ	3.50	85	Giỏi	5.360.000	70	3.752.000
61		1855010049	Lê Thị	Lâm	131000	2018	CQ	3.45	82	Giỏi	5.360.000	70	3.752.000
62		1855010070	Hoàng Thị	Nga	270800	2018	CQ	3.36	83	Giỏi	5.360.000	70	3.752.000
		1855010170	Nguyễn Hoàng Thanh	Xuân	020500	2018	CQ	3.23	80	Giỏi	Đã nhận HB Tuyển sinh		
63		1855010035	Nguyễn Thanh	Hiền	260500	2018	CQ	3.23	69	Khá	5.360.000	50	2.680.000
64		1855010163	Phạm Bảo	Việt	041100	2018	CQ	3.18	85	Khá	5.360.000	50	2.680.000
65		1855010075	Lê Thị Tuyết	Ngân	061100	2018	CQ	3.18	82	Khá	5.360.000	50	2.680.000
66	ĐNAH	1855010092	Lê Mỹ	Nhàn	011200	2018	CQ	3.18	71	Khá	5.360.000	50	2.680.000
67		1855010147	Trần Quốc	Trung	190800	2018	CQ	3.14	82	Khá	5.360.000	50	2.680.000
68		1855010139	Nguyễn Thị Minh	Trâm	091200	2018	CQ	3.09	71	Khá	5.360.000	50	2.680.000
69		1855010048	Ông Thiên	Kim	010100	2018	CQ	3.09	67	Khá	5.360.000	50	2.680.000
70		1855010160	Bùi Thị Cẩm	Vân	250600	2018	CQ	3.05	83	Khá	5.360.000	50	2.680.000
71		1855010161	Nguyễn Thị Hồng	Vân	210500	2018	CQ	3.05	75	Khá	5.360.000	50	2.680.000
72		1855010150	Lê Trần Thủy	Trúc	110500	2018	CQ	2.95	95	Khá	5.360.000	50	2.680.000
73		1855010062	Nguyễn Thị	Loan	310500	2018	CQ	2.95	81	Khá	5.360.000	50	2.680.000
74		1855010080	Trương Ngọc Kim	Ngân	300900	2018	CQ	2.95	75	Khá	5.360.000	50	2.680.000
	2019												

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
75	XHH	1956012063	Bùi Thị Yến	Linh	310801	2019	CQ	3.27	68	Khá	5.070.000	50	2.535.000
76		1956012064	Lại Thị Phương	Linh	280201	2019	CQ	3.18	86	Khá	5.070.000	50	2.535.000
77		1956012070	Phạm Thị Phú	Lộc	250301	2019	CQ	3.09	86	Khá	5.070.000	50	2.535.000
78		1956012062	Trần Thị Thùy	Liên	050901	2019	CQ	3.00	83	Khá	5.070.000	50	2.535.000
79		1956012188	Trần Hồ Bích	Vy	090901	2019	CQ	2.95	85	Khá	5.070.000	50	2.535.000
80		1956012106	Đỗ Ngọc Lan	Phương	090901	2019	CQ	2.91	81	Khá	5.070.000	50	2.535.000
81		1956012024	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	130901	2019	CQ	2.86	81	Khá	5.070.000	50	2.535.000
82		1956012048	Nguyễn Thị Thu	Hường	060601	2019	CQ	2.82	72	Khá	5.070.000	50	2.535.000
83		1956012061	Trang Phi	Lê	160895	2019	CQ	2.77	90	Khá	5.070.000	50	2.535.000
84		1956012083	Trần Bảo	Nghi	020901	2019	CQ	2.77	80	Khá	5.070.000	50	2.535.000
85		1956010042	Hồ Thị Ngọc	Lan	160501	2019	CQ	2.73	90	Khá	5.070.000	50	2.535.000
86		1956012028	Nguyễn Thị Hương	Giang	110401	2019	CQ	2.68	80	Khá	5.070.000	50	2.535.000
87		1956012185	Mai Thụy Thúy	Vy	040801	2019	CQ	2.64	90	Khá	5.070.000	50	2.535.000
88		1956012051	Lại Thị Đức	Khánh	100800	2019	CQ	2.64	76	Khá	5.070.000	50	2.535.000
89		1956010065	Hà Kiên	Nguyên	240301	2019	CQ	2.59	100	Khá	5.070.000	50	2.535.000
90		1956010128	Mạc Thảo	Vy	070201	2019	CQ	2.59	95	Khá	5.070.000	50	2.535.000
91		1956012008	Trần Kim	Anh	150401	2019	CQ	2.59	90	Khá	5.070.000	50	2.535.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
92	XHH	1956010048	Nguyễn Thảo	Linh	211201	2019	CQ	2.59	85	Khá	5.070.000	50	2.535.000
93		1956012165	Vương Diễn	Trí	151101	2019	CQ	2.59	85	Khá	5.070.000	50	2.535.000
94		1956012091	Đào Ngọc Yến	Nhi	210201	2019	CQ	2.55	93	Khá	5.070.000	50	2.535.000
95		1956012127	Trương Thị Phương	Thảo	270701	2019	CQ	2.55	81	Khá	5.070.000	50	2.535.000
	ĐNAH	1955012147	Trần Thanh	Vy	200401	2019	CQ	3.82	90	Xuất sắc	Đã nhận HB Tuyển sinh		
96		1955012120	Nguyễn Thị Minh	Thư	171001	2019	CQ	3.50	90	Giỏi	5.070.000	70	3.549.000
97		1955010069	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ngân	010101	2019	CQ	3.45	82	Giỏi	5.070.000	70	3.549.000
98		1955012135	Hồ Thị Thanh	Trúc	100801	2019	CQ	3.41	90	Giỏi	5.070.000	70	3.549.000
99		1955012015	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	060601	2019	CQ	3.36	87	Giỏi	5.070.000	70	3.549.000
100		1955012089	Lê Thụy Minh	Phương	041001	2019	CQ	3.32	85	Giỏi	5.070.000	70	3.549.000
101		1955012116	Phạm Nguyễn Thanh	Thúy	010401	2019	CQ	3.00	100	Khá	5.070.000	50	2.535.000
102		1955012112	Phan Phú	Thịnh	260501	2019	CQ	3.00	90	Khá	5.070.000	50	2.535.000
103		1955012137	Nguyễn Kim	Tuyến	220301	2019	CQ	3.00	82	Khá	5.070.000	50	2.535.000
104		1955012146	Trần Ngọc Thảo	Vy	050101	2019	CQ	2.91	90	Khá	5.070.000	50	2.535.000
105		1955012129	Nguyễn Ngọc	Trâm	241101	2019	CQ	2.82	87	Khá	5.070.000	50	2.535.000
106		1955012018	Văn Ngọc Thùy	Duyên	161001	2019	CQ	2.77	71	Khá	5.070.000	50	2.535.000
107		1955012039	Ngô Thị Mỹ	Hòa	160901	2019	CQ	2.73	85	Khá	5.070.000	50	2.535.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
108	ĐNAH	1955012103	Hồng Thị Hồng	Thảo	100900	2019	CQ	2.73	82	Khá	5.070.000	50	2.535.000
109		1955012065	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	020201	2019	CQ	2.73	80	Khá	5.070.000	50	2.535.000
110		1955012100	Tăng Đồng Minh	Tâm	260401	2019	CQ	2.73	77	Khá	5.070.000	50	2.535.000
111		1955010073	Phạm Hồng	Ngọc	010501	2019	CQ	3.09	90	Khá	5.070.000	50	2.535.000
112		1955012071	Hồ Thị Yến	Nhi	081001	2019	CQ	3.05	100	Khá	5.070.000	50	2.535.000
113		1955010127	Đoàn Trần Xuân	Trinh	280201	2019	CQ	3.05	82	Khá	5.070.000	50	2.535.000
114		1955010087	Lê Hiếu	Ni	200901	2019	CQ	3.00	100	Khá	5.070.000	50	2.535.000
115		1955010129	Trần Thị Thạch	Trúc	090401	2019	CQ	3.00	87	Khá	5.070.000	50	2.535.000
116		1955012001	Nguyễn Thị Thúy	An	290901	2019	CQ	2.86	85	Khá	5.070.000	50	2.535.000
117		1955010083	Đặng Thị Bích	Nhiễn	100701	2019	CQ	2.82	90	Khá	5.070.000	50	2.535.000
118		1955010078	Giáp Thị Yến	Nhi	251201	2019	CQ	2.73	82	Khá	5.070.000	50	2.535.000
119		1955010054	Nguyễn Thanh	Lâm	010101	2019	CQ	2.64	72	Khá	5.070.000	50	2.535.000
120		1955010060	Nguyễn Thị Phương	Linh	191001	2019	CQ	2.55	81	Khá	5.070.000	50	2.535.000
121		1955012106	Nguyễn Thanh	Thảo	111201	2019	CQ	2.50	85	Khá	5.070.000	50	2.535.000
	2020												
122	XHH	2056012126	Trần Hiếu	Nhi	311202	2020	CQ	3.00	83	Khá	4.920.000	50	2.460.000
123		2056012001	Khưu Võ Nguyên	An	120802	2020	CQ	3.00	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
124		2056012182	Vũ Ngọc Anh	Thư	020302	2020	CQ	3.00	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
125		2056012187	Hà Thị Minh	Thường	300402	2020	CQ	3.00	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
126		2056012073	Lê Ngọc Kim	Khánh	180202	2020	CQ	2.83	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
127		2056012131	Trịnh Quỳnh	Như	221202	2020	CQ	2.83	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
128		2056012076	Nguyễn Tuấn	Kiệt	010802	2020	CQ	2.67	92	Khá	4.920.000	50	2.460.000
129		2056010274	Cao Đình	Thiện	010402	2020	CQ	2.67	87	Khá	4.920.000	50	2.460.000
130		2056012042	Nguyễn Hà Hiếu	Hạnh	260902	2020	CQ	2.67	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
131		2056012078	Vũ Thiên	Kim	240302	2020	CQ	2.67	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
132	XHH	2056012107	Trần Nguyễn Kim	Ngân	240902	2020	CQ	2.67	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
133		2056012109	Nguyễn Huệ	Nghi	051102	2020	CQ	2.67	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
134		2056012189	Nguyễn Hoàng Thy	Thy	180202	2020	CQ	2.67	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
135		2056012237	Hoàng Lê	Uyên	110202	2020	CQ	2.50	85	Khá	4.920.000	50	2.460.000
		2056010281	Đoàn Thị Anh	Thư	240602	2020	CQ	2.50	82	Khá	Đã nhận HB Tuyển sinh		
136		2056012034	Phạm Quỳnh Khánh	Đoan	190302	2020	CQ	2.50	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
137		2056012064	Huỳnh Nhật	Huy	010802	2020	CQ	2.50	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
138		2056012072	Nguyễn Ngọc Như	Khanh	170602	2020	CQ	2.50	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
139		2056012136	Lê Hoàng	Phú	030602	2020	CQ	2.50	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
140	XHH	2056012138	Nguyễn Thị Hoài	Phương	270202	2020	CQ	2.50	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
141		2056012153	Hồng Mỹ	Tâm	210202	2020	CQ	2.50	82	Khá	4.920.000	50	2.460.000
142	CTXH	2056020314	Vương Huỳnh Kim	Trúc	111202	2020	CQ	3.33	100	Giỏi	4.230.000	70	2.961.000
143		2056022125	Phùng Huy	Thịnh	211202	2020	CQ	3.17	85	Khá	4.230.000	50	2.115.000
144		2056020016	Lê Phước Thông	Ân	311299	2020	CQ	3.17	83	Khá	4.230.000	50	2.115.000
145		2056022157	Nguyễn Thị	Tuyền	021185	2020	CQ	3.17	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
146		2056022150	Nguyễn Thị Thu	Trúc	230902	2020	CQ	3.00	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
147		2056022107	Nguyễn Thị Trang	Phương	090698	2020	CQ	3.00	77	Khá	4.230.000	50	2.115.000
148		2056020163	Phạm Hồ Thanh	Ngọc	170602	2020	CQ	2.83	92	Khá	4.230.000	50	2.115.000
149		2056020206	Lư Kỳ	Quang	180797	2020	CQ	2.83	85	Khá	4.230.000	50	2.115.000
150		2056020018	Trần Hoàng	Ân	250102	2020	CQ	2.83	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
151		2056022153	Phạm Công Quốc	Trụ	070102	2020	CQ	2.83	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
152		2056022040	Lý Gia	Hân	051102	2020	CQ	2.67	85	Khá	4.230.000	50	2.115.000
153		2056022138	Lê Thùy	Trang	280302	2020	CQ	2.67	85	Khá	4.230.000	50	2.115.000
154		2056020034	Nguyễn Thị	Dung	050402	2020	CQ	2.67	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
155		2056022044	Huỳnh Duy	Hoàn	220902	2020	CQ	2.67	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
156		2056022143	Võ Thị Thanh	Trà	191202	2020	CQ	2.67	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
157	CTXH	2056022155	Bùi Cảnh	Tuyên	140302	2020	CQ	2.67	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
158		2056020166	Nguyễn Tuấn Khôi	Nguyên	280896	2020	CQ	2.50	85	Khá	4.230.000	50	2.115.000
159		2056022103	Phan Nguyễn Hoàng	Phi	271002	2020	CQ	2.50	85	Khá	4.230.000	50	2.115.000
160		2056022060	Trịnh Tuấn	Kiệt	290402	2020	CQ	2.50	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
161		2056022072	Nguyễn Huỳnh Thanh	Mai	170602	2020	CQ	2.50	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
		2056022123	Nguyễn Anh	Thiện	250202	2020	CQ	2.50	82	Khá	Đã nhận HB Tuyển sinh		
162		2056022128	Lê Thị	Thư	270702	2020	CQ	2.50	82	Khá	4.230.000	50	2.115.000
163		2056022007	Đào Duy	Bảo	200702	2020	CQ	2.50	77	Khá	4.230.000	50	2.115.000
164	ĐNAH	2055012100	Trần Ngọc Minh	Vy	121202	2020	CQ	3.19	95	Khá	3.760.000	50	1.880.000
165		2055012027	Phạm Quốc	Huy	270802	2020	CQ	3.19	83	Khá	3.760.000	50	1.880.000
166		2055012088	Đinh Hoàng Thanh	Trúc	170902	2020	CQ	3.19	83	Khá	3.760.000	50	1.880.000
167		2055010122	Nguyễn Duy	Khánh	191000	2020	CQ	3.19	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
168		2055012006	Nguyễn Thị Ngọc	Cẩm	121202	2020	CQ	3.19	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
169		2055012038	Nguyễn Vũ Hiền	Lam	201102	2020	CQ	3.19	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
170		2055012101	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	220502	2020	CQ	3.19	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
171		2055010256	Lê Công	Phát	031000	2020	CQ	3.13	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
172		2055012047	Nguyễn Thị Trà	My	170802	2020	CQ	3.06	87	Khá	3.760.000	50	1.880.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
173		2055012045	Hồ Xuân	Mai	230402	2020	CQ	3.00	87	Khá	3.760.000	50	1.880.000
		2055012062	Mai Thị Hồng	Nhung	080502	2020	CQ	3.00	87	Khá	Đã nhận HB Tuyển sinh		
		2055012080	Lê Quỳnh	Thy	210802	2020	CQ	3.00	87	Khá	Đã nhận HB Tuyển sinh		
174	ĐNAH	2055010053	Võ Tuyết	Dương	251102	2020	CQ	3.00	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
175		2055010245	Lâm Tâm	Như	300302	2020	CQ	3.00	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
176		2055012005	Quách Gia	Bảo	190602	2020	CQ	3.00	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
177		2055012098	Nguyễn Hồng	Vy	241102	2020	CQ	3.00	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
178		2055012099	Nguyễn Thị Trà	Vy	100402	2020	CQ	3.00	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
		2055010105	Huỳnh Minh	Huy	110402	2020	CQ	2.88	85	Khá	Đã nhận HB Tuyển sinh		
179		2055010250	Phạm Trần Diễm	Như	250302	2020	CQ	2.88	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
180		2055012016	Thân Hoàng Thanh	Dương	010102	2020	CQ	2.88	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
181		2055012092	Trịnh Thị Thiên	Ty	120702	2020	CQ	2.88	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
182		2055010167	Đàm Thị Mỹ	Ngân	290802	2020	CQ	2.81	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
183		2055010310	Nguyễn Thanh	Thảo	031002	2020	CQ	2.81	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
184		2055012011	Lê Thị	Dung	190302	2020	CQ	2.81	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
185		2055012096	Dương Ngọc Quỳnh	Vy	210202	2020	CQ	2.81	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
186		2055012102	Đặng Hà Tiểu	Yến	030102	2020	CQ	2.81	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
187		2055012008	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	071202	2020	CQ	2.75	87	Khá	3.760.000	50	1.880.000
		2055010065	Nguyễn Thị Thu	Hà	160702	2020	CQ	2.75	82	Khá	Đã nhận HB Tuyển sinh		
188		2055010184	Đỗ Nguyễn Khánh	Ngọc	181002	2020	CQ	2.75	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
189		2055010263	Bùi Trần Long	Phụng	260902	2020	CQ	2.75	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
190		2055012001	Đỗ Thị Vân	Anh	150202	2020	CQ	2.75	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
191		2055012014	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	310802	2020	CQ	2.75	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
192		2055012044	Đặng Thị Bích	Ly	161002	2020	CQ	2.75	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
193		2055012052	Ngô Hoàng Thu	Ngân	060702	2020	CQ	2.75	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
194	ĐNAH	2055012066	Lê Gia	Phong	230602	2020	CQ	2.75	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
195		2055012039	Nguyễn Vũ Ngọc	Lan	071002	2020	CQ	2.69	85	Khá	3.760.000	50	1.880.000
196		2055010241	Trần Phạm Huỳnh	Nhung	270702	2020	CQ	2.69	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
197		2055010338	Nguyễn Thị Minh	Thư	110402	2020	CQ	2.69	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
198		2055012067	Dương Cao Thiên	Phúc	181002	2020	CQ	2.69	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
199		2055012076	Lê Thị Anh	Thư	090902	2020	CQ	2.69	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
200		2055012036	Hoàng Hải	Lam	150802	2020	CQ	2.63	87	Khá	3.760.000	50	1.880.000
201		2055012081	Trần Trọng	Tính	050902	2020	CQ	2.63	87	Khá	3.760.000	50	1.880.000
202		2055010181	Nguyễn	Nghi	030302	2020	CQ	2.63	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000

STT	Khoá/ Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
203		2055012070	Vũ Đoàn Đoan	Quyên	191202	2020	CQ	2.63	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
204		2055012091	Trần Anh	Tú	060702	2020	CQ	2.63	81	Khá	3.760.000	50	1.880.000
205		2055010003	Ng~ Hoàng Phương	An	290502	2020	CQ	2.56	90	Khá	3.760.000	50	1.880.000
206		2055010035	Phạm Thị Thanh	Diễm	050402	2020	CQ	2.56	87	Khá	3.760.000	50	1.880.000
207	ĐNAH	2055012040	Ngô Thị Khánh	Linh	070801	2020	CQ	2.56	85	Khá	3.760.000	50	1.880.000
208		2055010214	Ng~ Huỳnh Phương	Nhi	180802	2020	CQ	2.56	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
209		2055010364	Lê Thị Bích	Trâm	311002	2020	CQ	2.56	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
210		2055010397	Phạm Thanh Tường	Vân	201102	2020	CQ	2.56	82	Khá	3.760.000	50	1.880.000
211		2055010091	Nguyễn Minh	Hiển	121002	2020	CQ	2.50	87	Khá	3.760.000	50	1.880.000
Tổng cộng													**470.181.000**

Xuất sắc: 7 Sinh viên
Giỏi: 33 Sinh viên
Khá: 179 Sinh viên

Tổng cộng: **211** Sinh viên
Tổng số tiền HBKKHT: **470.181.000** đồng
(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi mốt triệu, bảy trăm mười lăm nghìn đồng chẵn)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

P.HIỆU TRƯỞNG | **TRƯỞNG PHÒNG CTSV** | **LÃNH ĐẠO KHOA**

Lê Nguyễn Quốc Khang | **Nguyễn Ngọc Anh** | **Lâm Thị Ánh Quyên**